

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 51/2021/DS-ST.

Ngày: 13-7-2021.

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Quang Thanh.

2. Ông Thông Phi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021, Về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Bản 2, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Mai C**, sinh năm 1969 (có mặt) và ông **Đặng P**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Bản 2, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt, nhưng ủy quyền cho bà **Đỗ Thị Mai C** (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Phúc T**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Bản 2, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt, nhưng ủy quyền cho bà **Trần Thị T** (theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị T, đồng thời bà T là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Phúc T trình bày yêu cầu:*

Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải trả cho bà T 40.000.000 đồng tiền nợ vay.

Về căn cứ khởi kiện: Vào ngày 21/8/2014 âm lịch, bà C có viết giấy vay của bà T 70.000.000 đồng để mua xe tải chở bắp vì bà C làm cửa hàng thu mua nông sản, hẹn trong một tháng sẽ trả. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Hết thời vay bà C không trả nợ như đã cam kết. Sau nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà C trả nợ thì đến năm 2015 và 2016 bà C có trả cho bà T hai lần nợ gốc là 15.000.000 đồng, hiện còn nợ bà T 55.000.000 đồng tiền nợ gốc. Nay bà T chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà C và ông Đặng P chỉ trả cho bà T 40.000.000 đồng nợ gốc còn thiếu. Đối với tiền lãi trên số nợ gốc thì bà T không yêu cầu. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung cấp chứng cứ 01 tờ giấy nợ viết tay ngày 21/8/2014.

**/ Thể hiện lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa bị đơn - bà Đỗ Thị Mai C, đồng thời bà C cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng P trình bày:*

Bà C thừa nhận vào ngày 21/8/2014 âm lịch, bà C có viết giấy vay bà T số tiền 70.000.000 để trả nợ. Tuy nhiên sau khi vay thì bà C đã trả hết nợ cho bà T nên hiện nay không còn nợ bà T số tiền nợ này. Đến thời điểm hiện nay thì bà C chỉ còn nợ bà T một khoản nợ vay khác là 25.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà C không cung cấp tài liệu chứng cứ.

**/ Thể hiện lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lê Phúc T trình bày :*

Ông T và bà Trần Thị T là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay, ông không có ý kiến gì trong vụ án này. Số tiền mà bà T khởi kiện bà C là tài sản riêng của bà T không liên quan đến ông T nên đề nghị giải quyết buộc bà C trả cho bà T.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng.

Về án phí: Vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị T.

- Các tình tiết mà các bên thống nhất, không thống nhất:

Bà C thừa nhận có vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng vào năm 2014, sau khi vay đã trả hết nợ, hiện còn nợ bà T khoản nợ vay khác 25.000.000đ. Bà T cho rằng sau khi vay bà C chỉ trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 55.000.000đ. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu bà C và ông P trả 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn - ông Đặng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Phúc T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên ông Đặng P đã ủy quyền cho bà Đỗ Thị Mai C; ông Lê Phúc T ủy quyền cho bà Trần Thị T. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải trả cho bà T số tiền nợ vay 40.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác. Do đó căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Xét về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu vợ chồng bà C và ông Đặng P phải trả 40.000.000 đồng tiền nợ vay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp một tờ giấy nợ viết tay có nội dung: “*21/8 âm lịch tôi tên Đỗ Thị Mai C có mượn 70.000.000đ bảy chục triệu đồng của chị T 21/8 âm lịch 2014*”. Số tiền nợ này bà C vay bà T trong thời hạn một tháng sẽ trả và khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%. Mục đích bà C vay tiền là để mua xe tải chở bắp vì bà C làm cửa hàng thu mua nông sản. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ thì trong năm 2015 và 2016 bà C trả cho bà T 15.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền gốc 55.000.000 đồng đến nay bà C vẫn chưa trả cho bà T. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu vợ chồng bà C và ông P phải trả 40.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà C thừa nhận tờ giấy nợ mà bà T cung cấp làm căn cứ khởi kiện là đúng do bà viết, ký giấy và nhận tiền vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định trên thực tế giữa bà T và bà C có giao kết hợp đồng vay tài sản để vay và nhận số tiền 70.000.000 đồng. Các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Tuy nhiên khi nợ đến hạn bà C không trả cho bà T, bà C cho rằng sau khi vay đã trả hết cho bà T. Hiện nay bà C chỉ còn nợ bà T khoản nợ vay khác là 25.000.000 đồng, tuy nhiên bà C không cung cấp được chứng cứ đã trả hết nợ cho bà T. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà C là có căn cứ.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T yêu cầu vợ chồng bà C, ông P phải có nghĩa vụ liên đới trả 40.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm vay tiền thì bà C và ông P là vợ chồng hợp pháp, khoản nợ vay bà C xác lập với bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông P thì ông P phải có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do bà C thực hiện. Do đó cần buộc vợ chồng bà C và ông P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay 40.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.3] Về tiền lãi: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà T không yêu cầu vợ chồng bà C, ông P phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc phải trả nên không xét đến.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên vợ chồng bà C, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đồng thời hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp với quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, khoản 2 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T.

Xử buộc vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ vay là: 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị Mai C và ông Đặng P phải nộp 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số N 0004651 ngày 25/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - ngày 13/7/2021.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí